

Số: 40 /NQ-HĐND

Mường Tè, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ
KHÓA XXI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 2226/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 về việc giao danh mục và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; số 1760/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè: Số 45/NQ-HĐND ngày 20/12/2020 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; số 61/NQ-HĐND ngày 21/10/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện; số 27/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện;

Xét Tờ trình số 3800/TTr-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè đề nghị ban hành Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 233/BC-HĐND ngày 18/12/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025, với tổng số vốn phân bổ là 172.283 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu đồng*), cụ thể như sau:

1. Nguồn ngân sách địa phương là 40.420 triệu đồng, bao gồm:
 - Xây dựng cơ bản tập trung là 27.335 triệu đồng.
 - Nguồn vốn từ thu sử dụng đất là 12.520 triệu đồng.
 - Nguồn xổ số kiến thiết là 565 triệu đồng.
2. Nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 131.863 triệu đồng, bao gồm:
 - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 1.789 triệu đồng.
 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 32.454 triệu đồng.
 - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 97.620 triệu đồng.

(Chi tiết xem tại biểu đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Trên cơ sở Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành huyện và UBND các xã, thị trấn chủ động tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè khóa XXI, kỳ họp thứ mười bảy thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch &ĐT, Tài chính tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- ĐBQH, Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử tại huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND; UBND các xã, thị trấn;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Vàng Văn Thắng



**BIÊN TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ
TỪ NGUỒN NSNN NĂM 2025 - HUYỆN MƯỜNG TÈ**

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	172.283	
I	Nguồn ngân sách địa phương	40.420	
1	Xây dựng cơ bản tập trung	27.335	Chi tiết xem tại phụ lục 02
2	Vốn thu sử dụng đất	12.520	
3	Vốn xỏ sổ kiến thiết	565	
II	Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG	131.863	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.789	Chi tiết xem tại phụ lục 03
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	32.454	
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	97.620	

Chị Lan

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 HUYỆN MƯỜNG TÈ

(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn	Trong đó Ngân sách địa phương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ				265.671	104.311	40.420		-
I	Chi xây dựng cơ bản tập trung				230.651	72.447	27.335		-
	Cân đối ngân sách các huyện				230.651	72.447	27.335		
1	Dự kiến bố trí cho các dự án đã quyết toán				119.605	-	2.657		
1.1	Hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCĐC Là Pê 1 , 2 Xã Tá Bạ, huyện Mường Tè (GD II)	H. Mường Tè	2017-2018	2490-05/8/2024	2.561		879,60	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
1.2	Phụ trợ trường Tiểu học xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	2016-2017	2799-08/10/2019	4.936		230,80	nt	
1.3	Nhà bán trú học sinh trường PTDT bán trú Tà Tổng (Điểm Cao Chải) xã Tà Tổng	Xã Tà Tổng	2020	1219-17/8/2021	5.880		225,00	nt	
1.4	Đường giao thông nông thôn bản Ka Lăng - Là Si, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Các xã: Ka Lăng, Thu Lũm	10-2021	798A-15/6/2023	99.728		454,70	nt	
1.5	Hạ tầng xấp xếp dân cư Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Xã Can Hồ	2019-2020	1677-29/9/2021	4.000		390,90	nt	
1.6	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa trung tâm xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	2023		2.500		476,00	nt	

STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	TMĐT			
					Tổng tất cả các nguồn			
2	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023				6.950	6.950	173	
-	Phòng họp trực tuyến Huyện ủy, huyện Mường Tè (GDII)	Thị trấn	2022	2224- 15/12/2021	6.950	6.950	173	nt
3	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				30.476	29.122	5.296	
3.1	Hạ tầng đô thị, điện chiếu sáng thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	2022- 2024	2207- 10/12/2021	20.000	20.000	1.500	nt
3.2	San gạt mặt bằng, cấp nước sinh hoạt điểm sắp xếp dân cư Nậm Suông, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	2022- 2024	2110- 07/10/2022	5.000	5.000	1.071	nt
3.3	Hạng mục phụ trợ điểm trường mầm non + tiểu học Khoang Thèn, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sủ	2023- 2024	2297- 10/8/2022	800	800	216	nt
3.4	Bổ sung các hạng mục trường mầm non Bum Tờ, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2023- 2024	2029- 22/9/2022	850	850	37	nt
3.5	Hạng mục phụ trợ Huyện ủy, HĐND - UBND huyện Mường Tè	Thị trấn	2023- 2025	2822- 30/11/2023	1.600	1.100	1.100	nt
3.6	Lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến Huyện ủy, phòng họp trụ sở HĐND - UBND huyện Mường Tè	Thị trấn	2023- 2025	2814A- 29/11/2023	1.076	722	722	nt
3.7	Hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Pa Vệ Sủ huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sủ	2023- 2025	2821- 30/11/2023	1.150	650	650	nt
4	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				14.500	14.500	8.414	

Đỗ Văn

STT	Danh mục	Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn	Trong đó Ngân sách địa phương			
4.1	Kè chống sạt lở + cầu điểm sắp xếp dân cư bản Mù Su xã Mù Cả, huyện Mường Tè	Xã Mù Cả	2024- 2026	2570- 30/10/2023	7.000	7.000	4.000	nt	
4.2	Nâng cấp trường tiểu học thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	2024- 2026	577- 20/02/2024	7.500	7.500	4.414	nt	
5	Các dự án dự kiến KCM 2025				2.780	2.780	1.400		
5.1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Mường Tè	H. Mường Tè	2025- 2026		2.300	2.300	1.000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phân bổ chi tiết khi đủ điều kiện
5.2	Quy hoạch chi tiết nghĩa trang Nhân dân thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2025		480	480	400	nt	
6	Lồng ghép thực hiện các chương trình MTQG				56.340	19.095	9.395		
	Chương trình MTQG giảm nghèo				27.500	5.155	955		
6.1	Trường PTDT bán trú THCS Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2022- 2024	2026- 22/9/2022	6.000	1.798	298	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
6.2	Trường PTDT bán trú Tiểu học Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2022- 2024	2025- 22/9/2022	4.000	498	98	nt	
6.3	Bổ sung các phòng học mầm non trên địa bàn huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2022- 2024	2036- 26/9/2022	6.000	957	157	nt	
6.4	Nâng cấp hệ thống phòng học và phụ trợ các trường Tiểu học trên địa bàn các xã Mường Tè, Bum Nưa, Thu Lũm, huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2022- 2024	2037- 26/9/2022	7.000	588	88	nt	
6.5	Nhà lớp học bộ môn trường THCS xã Mường Tè	Xã Mường Tè	2022- 2024	1686- 05/8/2022	4.500	1.314	314	nt	
	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				28.840	13.940	8.440		



STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn	Trong đó Ngân sách địa phương			
6.6	Đường đến điểm ĐCDC Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Xã Can Hồ	2022- 2024	1695- 08/8/2022	8.340	4.340	840	nt	
6.7	Đường giao thông bản Pa Thắng - bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	2023- 2025	397-29/3/2023	20.500	9.600	7.600	nt	
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				35.020	31.864	12.520		
I	Kinh phí đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và kiểm kê đất đai						1.450		
1.1	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2020	904-03/6/2020	3.011	3.011	364,70	Phòng Tài nguyên & Môi trường	
1.2	Quy hoạch sử dụng đất đến giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2020	775-27/4/2020	2.211	2.211	114,50	nt	
1.3	Thống kê đất đai năm 2020 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2021	228-03/4/2021	120	120	92,80	nt	
1.4	Thống kê đất đai năm 2021 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2022	2198a- 02/12/2021	175	175	174,70	nt	
1.5	Thống kê đất đai năm 2022 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2023	2779- 30/12/2022	117	117	116,30	nt	
1.6	Thống kê đất đai năm 2023 huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2024	3095- 29/12/2023	136	136	135,50	nt	
1.7	Đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Can Hồ, huyện Mường Tè	H. Mường Tè	2024- 2025	1004- 15/3/2024	10.139	10.139	451,50	nt	

STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn	Trong đó Ngân sách địa phương			
2	Chi đầu tư hạ tầng các khu, điểm quy hoạch bán đầu giá quyền SDD				28.000	27.483	9.000		
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023				28.000	27.483	9.000		
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn	2022- 2025	628-02/4/2021	28.000	27.483	9.000	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
3	Chi đầu tư chương trình xây dựng NTM				7.020	4.381	2.070		
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				7.020	4.381	2.070		
3.1	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Can Hồ	Xã Can Hồ	2022- 2024	1993- 19/9/2022	3.000	2.211	87	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
3.2	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất Nậm Lọ xã Can Hồ	Xã Can Hồ	2022- 2024	277-29/9/2022	2.500	1.500	1.313	UBND xã Can Hồ	
3.3	Hạng mục nhà vệ sinh, nhà văn hóa xã Mường Tè huyện Mường Tè	Xã Mường Tè	2023- 2025	2824- 30/11/2023	320	270	270	UBND xã Mường Tè	
3.4	Hỗ trợ Nhà văn hóa, công trình phụ trợ bản Bó, xã Mường Tè	Xã Mường Tè			1.200	400	400	nt	
III	Vốn đầu tư từ nguồn sở xố kiến thiết				-	-	565		
1	Bổ trí để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới						565		Bổ sung ngân sách xã
-	Xã Can Hồ						565	UBND xã Can Hồ	

**BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số. 40 /NQ-HĐND, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW			
	TỔNG SỐ				642.765	360.708	131.863		
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				5.640	5.456	1.789		
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				4.790	4.670	1.003		
1.1	Đường giao ra khu sản xuất bản Giăng xã Mường Tè	Xã Mường Tè	2023-2025	341-29/11/2022	1.620	1.570	571	UBND xã Mường Tè	
1.2	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các bản xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2023-2025	180B-25/11/2022	670	620	225	UBND xã Thu Lũm	
1.3	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa trung tâm xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa	2023-2025	2623-28/11/2022	2.500	2.480	207	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2	Các dự án khởi công mới năm 2025				850	786	786		
-	Tu sửa nước sinh hoạt bản Nậm Phìn xã Nậm Khao	Xã Nậm Khao	2024-2025	518-29/10/2024	850	786	786	UBND xã Nậm Khao	
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG				155.941	151.791	32.454		



STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMDT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW			
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				155.941	151.791	32.454		
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				139.491	135.462	16.997		
1.1	Nâng cấp đường giao thông Ló Mé, Lè Giăng, Là Pê 1,2; trung tâm xã Tá Pạ	Xã Tá Bạ	2022- 2024	1717- 12/8/2022; 597- 29/11/2022	20.000	20.000	1.500	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
1.2	Cấp điện nông thôn đến các bản Các xã Tà Tổng (A Mé); Pa Vệ Sừ (Chà Gá, Sín Chải C); Mù Cả (Mò Su); Tá Pạ (Là Si; Vạ Pù)	Các xã: Tà Tổng, Pa Vệ Sừ, Mù Cả, Tá Bạ	2022- 2024	1684- 05/8/2022; 155- 09/11/2022	35.000	35.000	3.835	nt	
1.3	Đường giao thông liên vùng từ bản Mo Chi - bản Cờ Lò, xã Pa Ủ - bản Nậm Phìn, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè.	Các xã: Pa Ủ, Nậm Khao	2022- 2024	1718- 12/8/2022; 595- 29/11/2022	35.000	35.000	6.681	nt	
1.4	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia bản (A Chè, Suối Voi, Nậm Phìn, Cờ Lò) thuộc các xã, huyện Mường Tè	Các xã: Thu Lũm, Can Hồ, Pa Ủ	2022- 2024	1683- 05/8/2022; 387- 07/10/2022	24.841	21.342	2.339	nt	
1.5	Trường PTDT bán trú Tiểu học Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2022- 2024	2025- 22/9/2022	4.000	3.500	383	nt	

STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMDT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW			
1.6	Xây dựng sân thể thao xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa	2022-2024	126-26/9/2022	2.000	2.000	219	UBND xã Bum Nưa	
1.7	Nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Tè	Xã Mường Tè	2022-2024	256-28/9/2022	4.000	4.000	438	UBND xã Mường Tè	
1.8	Xây dựng sân thể thao xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2022-2024	153-26/9/2022	2.000	2.000	219	UBND xã Thu Lũm	
1.9	Hệ thống đường giao thông nội đồng các bản xã Bum Nưa, huyện Mường Tè	xã Bum Nưa	2022-2024	126a-26/9/2022	3.150	3.150	345	UBND xã Bum Nưa	
1.10	Hệ thống đường giao thông ra khu sản xuất bản Nậm Hần, Nậm Cùm xã Mường Tè	Xã Mường Tè	2022-2024	255-28/9/2022	5.000	4.980	546	UBND xã Mường Tè	
1.11	Hệ thống đường giao thông nội đồng các bản xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	2022-2024	155-29/9/2022	4.500	4.490	492	UBND xã Thu Lũm	
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				1.000	979	107		
-	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Thu Lũm 1 xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2023-2024	180C-25/11/2022	1.000	979	107	UBND xã Thu Lũm	
3	Các dự án khởi công mới năm 2025				15.450	15.350	15.350		
3.1	Sửa chữa nước sinh hoạt các bản xã Thu Lũm (bản Pa Thắng, bản Thu Lũm 1)	Xã Thu Lũm	2024-2025	3579-30/10/2024	5.000	5.000	5.000	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
3.2	Sửa chữa nước sinh hoạt các bản xã Bum Nưa (bản Phiêng Kham, Na Hề)	Xã Bum Nưa	2024-2025	3580-30/10/2024	5.000	5.000	5.000	nt	
3.3	Sửa chữa nước sinh hoạt các bản xã Mường Tè (các bản: Pắc Ma, Nậm Hần, bản Giăng)	Xã Mường Tè	2024-2025	3580-30/10/2024	4.000	4.000	4.000	nt	



STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW			
3.4	Thủy lợi Na Hăn Luông xã Mường Tè	Xã Mường Tè	2024- 2025	3582- 30/10/2024	1.450	1.350	1.350	nt	
C	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI				481.184	203.461	97.620		
I	Dự án 1				3.690	3.690	2.628		Phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				3.690	3.690	2.628		
1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở	H. Mường Tè			440	440	240		
2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở	H. Mường Tè			1.720	1.720	1.000		
3	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất	H. Mường Tè			1.530	1.530	1.388		
II	Nội dung số 02, tiểu dự án 2, dự án 3				274.012	14.030	4.451		
-	Đầu tư, hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Mường Tè	H. Mường Tè		1328- 26/4/2024	274.012	14.030	4.451	Phòng Nông nghiệp & PTNT	
III	Tiểu dự án 1. Dự án 4				150.148	132.548	57.788		
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				96.140	78.540	9.708		

STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn				Trong đó NSTW
1.1	Chợ xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Xã Ka Lăng	2023-2025	2629-30/11/2022	3.000	3.000	406	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
1.2	Củng hóa đường từ các bản Sín Chải A + B, Chà Gá đến trung tâm xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sủ	2023-2025	2616-28/11/2022; 81-10/4/2023	26.330	26.330	4.229	nt	
1.3	Củng hóa đường từ các bản Xà Hồ, Pa Ủ, Hà Xi đến trung tâm xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Ủ	2023-2025	2617-28/11/2022	14.000	14.000	2.248	nt	
1.4	Củng hóa đường giao thông Km 13 - bản Pa Thắng - TT xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2023-2025	2618-28/11/2022	28.310	28.310	1.717	nt	
1.5	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản (Xà Hồ, Ủ Ma) xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	2023-2024	242-26/11/2022	2.000	2.000	321	UBND xã Pa Ủ	
1.6	Đường giao thông nội bản các bản (Phìn Khò, Tả Phìn, Đầu Nậm Xá, Huổi Han) xã Bum Tở	Xã Bum Tở	2023-2024	572a-28/11/2022	2.000	2.000	321	UBND xã Bum Tở	
1.7	Đường giao thông bản Pa Thắng - bản A Chè, xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	2023-2025	397-29/3/2023	20.500	2.900	466	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2	Các dự án khởi công mới năm 2025				54.008	54.008	48.080		
2.1	Đường giao thông Nậm Lăn - bản Nhù Cà, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Xã Ka Lăng	2024-2025	2320-24/7/2024	3.500	3.500	3.116	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2.2	Thủy lợi Khò Ma, bản Tù Nạ, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Xã Ka Lăng	2024-2025	3583-30/10/2024	5.738	5.738	5.108	nt	

Thư ký



STT	Danh mục	Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW			
2.3	Thủy lợi Cá Xú Ló Cá, bản Là Pê, xã Tá Bạ, huyện Mường Tè	Xã Tá Bạ	2024- 2025	3585- 30/10/2024	3.400	3.400	3.027	nt	
2.4	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Tá Bạ, huyện Mường Tè	Xã Tá Bạ	2024- 2025	3584- 30/10/2024	5.300	5.300	4.718	nt	
2.5	Thủy lợi Bãi Danh, bản Ngà Chồ, xã Tà Tổng, huyện Mường tè	Xã Tà Tổng	2024- 2025	3586- 30/10/2024	4.200	4.200	3.739	nt	
2.6	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Xã Nậm Khao	2024- 2025	3587- 30/10/2024	5.300	5.300	4.718	nt	
2.7	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất bản Phìn Khò xã Bum Tở, huyện Mường Tè	Xã Bum Tở	2024- 2025	718- 30/10/2024	1.600	1.600	1.424	UBND xã Bum Tở	
2.8	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản (Nà Phây, Vàng San, Pắc Pạ) xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	2024- 2025	441B- 05/11/2025	2.400	2.400	2.137	UBND xã Vàng San	
2.9	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất bản Pắc Ma, xã Mường Tè, huyện Mường Tè	Xã Mường Tè	2024- 2025	444- 29/10/2024	700	700	623	UBND xã Mường Tè	
2.10	Cứng hóa từ bản Nhóm Pố - Vạ Pù đến trung tâm xã Tá Bạ, huyện Mường Tè	Xã Tá Bạ	2024- 2025	2261- 17/7/2024	20.860	20.860	18.571	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2.11	Thủy lợi Nậm Pậm bản Pắc Ma xã Mường Tè	Xã Mường Tè	2024- 2025	3588- 30/10/2024	1.010	1.010	899	UBND xã Mường Tè	
IV	Tiểu dự án 1. Dự án 5				7.950	7.884	4.783		
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				7.950	7.884	4.783		

Đỗ Trung



STT	Danh mục	Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW			
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Ủ	2024- 2025	2572- 30/10/2023	2.150	2.134	1.454	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Can Hồ, xã Can Hồ huyện Mường Tè	Xã Can Hồ	2024- 2025	2571- 30/10/2023	1.900	1.883	1.283	nt	
3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Mù Cả	Xã Mù Cả	2024- 2025	3093- 29/12/2023	3.900	3.867	2.046	nt	
V	Dự án 6				9.690	9.615	3.736		
1	Các dự án khởi công mới năm 2024				9.690	9.615	3.736		
*	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số				8.190	8.190	2.466		
-	Dân tộc Si La (Bản Seo Hai, xã Can Hồ, huyện Mường Tè)	Xã Can Hồ			8.190	8.190	2.466	Phòng Văn hóa & Thông tin	
2	Các dự án khởi công mới năm 2025				1.500	1.425	1.270		
2.1	Nhà văn hóa Bản U Na, xã Tà Tổng	Xã Tà Tổng	2025	653- 30/10/2024	300	285	254	UBND xã Tà Tổng	
2.2	Nhà văn hóa Bản A Mé, xã Tà Tổng	Xã Tà Tổng	2025	651- 30/10/2024	300	285	254	nt	
2.3	Nhà văn hóa Bản Tia Ma Mù, xã Tà Tổng	Xã Tà Tổng	2025	652- 30/10/2024	300	285	254	nt	
2.4	Nhà văn hóa Bản Sín Chải C, xã Pa Vệ Sủ	Xã Pa Vệ Sủ	2025	396B- 18/10/2024	300	285	254	UBND xã Pa Vệ Sủ	



STT	Danh mục	Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMDT			
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW		
2.5	Nhà văn hóa Bản Chà Gá, xã Pa Vệ Sủ	Xã Pa Vệ Sủ	2025	396C- 18/10/2024	300	285	254	nt
VI	Dự án 9				35.694	35.694	24.234	
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				23.650	23.650	13.511	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp TL Nậm Hạ A bản Nậm Hạ + Sỉ Thâu Chải, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Xã Can Hồ	2024- 2025	2922- 22/12/2023	5.300	5.300	2.896	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH
1.2	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Láng Phịu, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Xã Nậm Khao	2024- 2025	2569- 30/12/2023	4.000	4.000	2.488	nt
1.3	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bản Láng Phieu + Xám Láng xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Xã Nậm Khao	2024- 2025	09- 09/01/2024	2.100	2.100	1.306	UBND xã Nậm Khao
1.4	Phụ trợ điểm trường Tiểu học, Mầm non bản Nậm Suồng, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	2024- 2025	3094- 29/12/2023	1.100	1.100	684	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH
1.5	Nâng cấp đường giao thông đến bản Nậm Suồng + Nậm Sẻ, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	2024- 2025	114- 18/01/2024	5.300	5.300	3.297	nt
1.6	Đường ra khu sản xuất bản Seo Hai, Sỉ Thâu Chải xã Can Hồ	Xã Can Hồ	2024- 2025	30- 11/01/2024	5.850	5.850	2.840	nt
2	Các dự án khởi công mới năm 2025				12.044	12.044	10.723	
2.1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bản Nậm Xuồng + Nậm Sẻ xã Vàng San	Xã Vàng San	2024- 2025	441A- 05/11/2024	1.615	1.615	1.438	UBND xã Vàng San

STT	Danh mục	 Địa điểm Xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT				
					Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó NSTW			
2.2	Đường giao thông nội bản Nậm Cùm xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa	2024- 2025	262- 05/11/2024	1.425	1.425	1.269	UBND xã Bum Nưa	
2.3	Nâng cấp thủy lợi Xám Láng	Xã Nậm Khao	2024- 2025	3589- 30/10/2024	880	880	783	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2.4	Sửa chữa, nâng cấp TL đầu bản Nậm Xuông	Xã Vàng San	2024- 2025	3590- 30/10/2024	824	824	734	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2.5	Bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ các trường tại các bản Nậm Suông, Nậm Sẻ, Huổi Cuông xã Vàng San; bản Nậm Cùm xã Bum Nưa, bản A Mại xã Pa Vệ Sủ, Láng Phiếu, Xám Láng xã Nậm Khao, Seo Hai, Sỉ Thâu Chải xã Can Hồ	H. Mường Tè	2024- 2025	3616- 16/11/2024	2.700	2.700	2.404	Ban Quản lý công trình dự án phát triển KT-XH	
2.6	Đường giao thông ra khu sản xuất bản San Sui, Nậm Sẻ, xã Vàng San	Xã Vàng San	2024- 2025	426- 30/10/2024	1.500	1.500	1.335	UBND xã Vàng San	
2.7	Đường giao thông ra khu sản xuất bản Xám Láng, xã Nậm Khao	Xã Nậm Khao	2024- 2025	520- 29/10/2024	2.100	2.100	1.870	UBND xã Nậm Khao	
2.8	Kiên cố đường ra khu sản xuất tuyến Nhùng Thàng, bản Láng Phiếu, xã Nậm Khao	Xã Nậm Khao	2024- 2025	519- 29/10/2024	1.000	1.000	890	UBND xã Nậm Khao	

Đ. Hoàng